



## NG-ỜI VIỆT CÓ THỜ CHÓ KHÔNG?

BÙI XUÂN KINH

Từ tháng 7 năm 2005, một số tờ báo lớn ở Thủ đô đ- a tin UBND thành phố Hà Nội chuẩn bị thực hiện “*Dự án xây dựng, tôn tạo di tích đền thờ Cầu Nhi*” (ngôi đền nhỏ nằm trên gò đất nhỏ trong hồ Trúc Bạch, ven đ- ờng Thanh Niên) với kinh phí dự tính là trên 3 tỷ đồng. Dự án đ- ọc xây dựng khá chu đáo, đ- ọc khá nhiều nhà sử học có tên tuổi góp ý qua nhiều cuộc thảo luận. Căn cứ khoa học của Dự án này không chỉ là những ghi chép trong sách “*Tây Hồ chí*”<sup>1</sup> mà còn là luận thuyết “*Ng-ời Việt có tục thờ chó*” qua khẳng định của nhiều nhà khoa học có tên tuổi.

Tuy nhiên, Dự án trên đây không nhận đ- ợc sự đồng tình, thậm chí gặp phải những phản ứng quyết liệt của một số nhà khoa học, cả trên báo chí cũng nh- trong một số cuộc hội thảo, nhất là cuộc Hội thảo do Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội phối hợp với UBND quận Ba Đình và Hội Sử học Việt Nam tổ chức (tháng 8 năm 2005). Phần đông những ng-ời đ- ọc nghe, có quan tâm đến vấn

đề này khi đó cũng bộc lộ ý kiến không tán đồng. Từ đó, cuộc tranh luận này diễn ra lúc âm thầm, khi quyết liệt và đến nay, vẫn ch- a có lời kết, trong khi mốc kỷ niệm nghìn năm Thăng Long - Hà Nội đang đến rất gần, và có lúc, trên một tờ báo nọ, có ng-ời đã đề nghị “cần phải xây lại đền Cầu Nhi ngay trong năm 2006”.

Việc dựng lại đền Cầu Nhi phù hợp hay không phù hợp, có đủ luận cứ khoa học d- ới góc độ sử học hay không, tôi không bàn đến. Bài viết này chỉ nhìn d- ới góc độ Dân tộc học để xem xét ng-ời Việt có tục thờ chó hay không, bởi đây là vấn đề Dân tộc học rất đáng quan tâm.

Trở lại với vấn đề trọng tâm đ- ọc bàn. Nhằm ủng hộ cho việc xây dựng lại đền Cầu Nhi, nhiều nhà khoa học đã khẳng định “Ng-ời Việt có tục thờ chó”, nh- “Sự hiện diện của đền Cầu Nhi là đúng với tín ng- ỡng dân gian và tục thờ chó của ng-ời Việt”; “Thờ chó không có gì đáng xấu hổ”; “Nên trở lại ý nghĩa tôn giáo, tín ng- ỡng ban đầu là thờ Thần Cầu Nhi, còn trở lại thờ mẫu “thủy trung tiên” thì không nên, sợ phát sinh phức tạp”; “Thờ thần Cầu Nhi xuất phát từ tập quán thờ đa thần của ta”; “Tín ng- ỡng thờ chó không có gì lạ trong tín ng- ỡng Việt Nam và tín ng- ỡng này không có gì xấu” (Đ- ơng Trung Quốc, 2005). Có nhà khoa

<sup>1</sup> *Tây Hồ chí*: sách chép tay, không ghi tác giả và niên đại, hiện còn l- u tại Th- viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A. 3192/1 và A. 3192/2; bản dịch của Trần Thanh Đạm, Bộ Quốc gia Giáo dục Sài Gòn xuất bản, 1962. Ngoài việc đ- a ra một số thông tin về hệ thống đình chùa, đền miếu, nhân vật lịch sử ở các làng ven Hồ Tây ngày nay, sách có một số nhầm lẫn, trong đó nhầm lẫn lớn nhất là chép năm Vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa L- ra thành Đại La vào năm Nhâm Tuất (năm 1022), trong khi chính sử đều ghi là năm Canh Tuất (năm 1010).

học còn quả quyết “Chó đ-ợc coi nh- một vị thần trong tín ng-ỡng dân gian giai đoạn muộn” (Kiều Thu Hoạch, 2006, tr. 229). Thậm chí có ng-ời còn cho rằng, “Thờ chó là biểu hiện của tô tem giáo”.

Vậy sự thật có đúng nh- vậy không?

Từ tr-ớc đến nay, giới Dân tộc học đã thống nhất rằng, tô tem giáo (nhận một loài vật, loài cây làm “tô tem”, tức coi vật đó là có họ hàng, thậm chí là “tổ” của dòng họ hay thị tộc) tồn tại ở nhiều tộc ng-ời thiểu số trên đất n-ớc ta. Điển hình là ng-ời Khơ-mú ở Tây Bắc; mỗi họ nhận một loài động vật làm tô tem, nh- các họ Quàng nhận loài hổ (hổ vàng, hổ xám, hổ vằn... tùy họ cụ thể), họ Lò nhận loài quạ, họ Hà nhận loài cuốc v.v.; tên của tô tem đ-ợc dùng làm tên dòng họ. Nguyên tắc cơ bản nhất, bất di bất dịch của tô tem giáo là không đ-ợc săn bắn, đánh, giết, khi thấy tô tem gặp nạn thì phải cứu giúp và đặc biệt, không đ-ợc ăn thịt tô tem (Lê Sĩ Giáo và các tác giả, 1997, tr. 169 - 170). Có thể lấy ví dụ điển hình: ng-ời □n Độ thờ bò thì cấm kỵ ăn thịt bò; vì thế, cuối thế kỷ XIX, tại □n Độ đã diễn ra làn sóng ng-ời □n chống lại ng-ời Anh rất quyết liệt vì ng-ời Anh mổ bò, ăn thịt bò ngay tại làng xóm của ng-ời □n.

Nh- vậy, chỉ từ góc độ này cũng đủ thấy, chó không thể là tô tem của ng-ời Việt, bởi nếu là tô tem, sao lại bị ng-ời Việt dễ dàng đánh, mắng, thậm chí giết thịt để làm “bày mún” đến nh- vậy; hơn nữa, tr-ớc đây còn coi thịt chó là món ăn ngon ở đời “Sống ở trên đời, ăn miếng dồi chó”.

Có ng-ời bảo vệ “thuyết thờ chó” đã viện vào lý lẽ của nhà Dân tộc học Xô viết Tô - ca - rúp “ăn tô tem cũng là một cách để hòa nhập máu thịt với tô tem” (Kiều Thu

Hoạch, 2006, tr. 229). Không rõ Tô - ca - rúp điều tra t- liệu ở tộc ng-ời nào, ở n-ớc nào, chứ ở Việt Nam, không hề có một t- liệu nào chép về tục ăn thịt tô tem ở bất kỳ một tộc ng-ời nào (ngay cả ng- dân Việt thờ cá voi - có thể coi là một tàn tích của tô tem giáo cũng không dám ăn thịt cá voi). Cũng không một giáo trình Dân tộc học nào ở Việt Nam chép có việc ăn thịt tô tem “để hòa nhập máu thịt với tô tem”. Vả lại, luận điểm của Tô-ca-rúp (cũng nh- của Tréc-xơ-nốp) mà một số nhà nghiên cứu dẫn ra không thể coi là đại diện cho cả tr-ờng phái Dân tộc học Xô viết tr-ớc đây và cũng không thể lấy đây làm “chuẩn lý thuyết” để nghiên cứu các vấn đề dân tộc học và văn hóa học của Việt Nam. Hơn nữa, cho dù tộc ng-ời nào đó có tục ăn thịt tô tem để đạt đ-ợc mục đích trên thì cũng chỉ ăn mang tính nghi lễ, t-ợng tr-ng, chứ sao lại nh- ng-ời Việt ăn “th-ờng trực”, quanh năm suốt tháng, nhất là cứ sau ngày Rằm lại vật “tô tem” ra làm bảy món, hay có nhan nhản những nhà hàng “thịt tô tem” trên bờ đê Nhật Tân ở Thủ đô Hà Nội mang đủ các “th-ong hiệu”: *Anh Tú, Tú Béo, Lá Cọ, Sơn Hải*...đến nh- vậy?

Đối với hàng triệu ng-ời Việt chúng ta, đã từ bao đời nay, hình ảnh “con Rồng cháu Tiên” hay chim Lạc nh- là biểu hiện của tô tem không còn là điều phải bàn cãi.

Vậy, nếu không là tô tem, chó có đ-ợc ng-ời Việt (cũng nh- các tộc ng-ời khác trên đất n-ớc ta) thờ hay không?

Để lý giải vấn đề, cần thiết phải làm rõ quan niệm về chó trong tín ng-ỡng ở ng-ời Việt và một số tộc.

1. Các t- liệu Dân tộc học từ tr-ớc đến nay đã khẳng định, trong các tộc ng-ời ở

n-ớc ta, *chỉ duy nhất chó đ-ợc ng-ời Dao thờ*, vì chó đ-ợc coi là Bàn V-ong thủy tổ; còn hầu hết các tộc ng-ời thiểu số từ vùng Đông Bắc sang Tây Bắc, vào miền núi Thanh Nghệ, cho đến vùng Tr-ờng Sơn - Tây Nguyên, vào cả vùng ng-ời Khơ - me ở Nam Bộ, không thấy một công trình giản chí Dân tộc học nào viết về tục thờ chó. Một số nhóm tộc ng-ời, nh- họ Quách ở ng-ời M-ờng thuộc M-ờng Vang, nay là huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình (Viện Dân tộc học, 1978, tr. 82); họ Hoàng của ng-ời Kháng ở xã Chiềng Ôn, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La) kiêng ăn thịt chó (t- liệu điền dã của tác giả), song những tr-ờng hợp này, chó không hẳn là tô tem.

Trong khi đó, các t- liệu Dân tộc học đều khẳng định, trong tín ng-ỡng của hầu hết các tộc ng-ời ở n-ớc ta, chó là biểu t-ợng cho thế giới bên d-ới, cho ban đêm, bóng tối, cho sự chết (khác với chim, gà t-ợng tr-ng cho trời và mặt trời, ánh sáng, ban ngày, thế giới bên trên và sự sống). Biểu hiện của quan niệm này là, hình ảnh con chó th-ờng xuất hiện trong đám tang hoặc trong lễ trừ tà của khá nhiều tộc ng-ời. Điển hình là ở ng-ời M-ờng - tộc ng-ời có chung cội nguồn với ng-ời Việt. Trong đám tang của tộc ng-ời này tr-ớc kia có lễ thức “Nhìn họ” với mục đích cho linh hồn ng-ời chết nhìn lại gia đình, họ hàng ở *M-ờng Ng-ời* lần cuối cùng, tr-ớc khi b-ớc chân sang thế giới bên kia - *M-ờng Ma*), do ông Mo dẫn dắt bằng đọc bài Mo. Trong lễ thức này xuất hiện hình ảnh con chó là biểu t-ợng cho M-ờng Ma (Nguyễn Từ Chi, 2003, tr. 31). Các t- liệu điền dã của tôi ở vùng trung tâm M-ờng Bi (tỉnh Hòa Bình) những năm 2003 - 2005 khẳng định thêm điều này: trong lễ

thức *Kẹ* của đám tang ng-ời M-ờng x-a - lễ thức nhằm cắt mối liên hệ bình th-ờng giữa ma với cõi sống, trên bàn thờ ng-ời chết có đặt một con gà luộc, đ-ợc nối bằng một sợi chỉ đen (hoặc dây màu đen) với một con chó thui (nguyên vẹn cả con) đặt trên quan tài. Khi đọc hết đoạn Mo đ-a ng-ời chết sang thế giới bên kia, ông Mo làm pháp thuật rồi dùng dao cắt bỏ sợi dây nối con gà và con chó, với ngụ ý con chó sẽ đ-a hồn ng-ời chết sang thế giới của những ng-ời đã khuất. Trong đám tang hoặc trong lễ cúng ma bản của ng-ời Xinh-mun, ng-ời ta dùng thịt chó để cúng ma tà. Theo nhà Dân tộc học Nguyễn Từ Chi, con chó liên quan đến pháp thuật hơn là đến thần thoại (Nguyễn Từ Chi, 2003, tr. 60). Điều này đ-ợc thể hiện rõ nhất trong đám tang của nhóm Nghệt (ng-ời Xinh-mun): ng-ời chết muốn lên đ-ợc với tổ tiên ở “M-ờng Trời” phải qua hai cửa ải khó khăn nhất và phải nhờ sự trợ giúp của con chó. Cửa ải đầu ở Phiêng Luông - nơi có con chó to màu vàng, vốn bị đuổi từ Mai Sơn xuống, đ-a ng-ời chết đến tắm ở một *mó n-ớc* rồi mới đi tiếp đến Suối Rút, qua Hòa Bình, quay lại Sông Mã, tiếp tục theo sông sang Lào để đi lên M-ờng Trời. Cửa ải thứ hai, sau khi lên đến tầng thứ ba của M-ờng Trời, ng-ời chết phải qua một cây cầu có nhiều mỗ, rất trơn, không thể đi đ-ợc, thầy mo phải dùng pháp thuật gọi chó đến để chó ăn hết các chất mỡ ấy cho ng-ời chết đi tiếp (Trần Bình, 1999, tr. 208). □ một số làng ng-ời M-ờng huyện Ngọc Lặc (tỉnh Thanh Hóa), chó là vật hiến tế trong lễ cầu yên, để đuổi ôn thân, dịch tễ (Nguyễn Từ Chi, 2003, tr. 60). □ vùng ng-ời Thái huyện Mai Châu (tỉnh Hoà Bình), ngày đầu của hội Chá Chiềng (hội tạ ơn các ông mo chữa bệnh) có

lễ cúng rửa bản, rửa m-ờng. Ông mo phải mổ một con lợn, một con chó, làm một mâm cỗ đem ra bìa rừng cúng để xua đuổi ma quỷ đi nơi khác (Bùi Thị Thu, 2008, tr. 31). Cũng với ý nghĩa đó, ng-ời Việt tin rằng, ma quái sợ máu chó, nên th-ờng đặt chó đá ở cổng ra vào nhà, cổng đình chùa đền miếu, cổng thành... không chỉ để canh chừng kẻ trộm, mà còn ngăn cả ma tà về quấy nhiễu ban đêm. Nhiều làng xã ở tỉnh Phú Thọ tr-ớc đây th-ờng dùng chó đen để yểm tà vào dịp đầu năm. Chẳng hạn, Điều 2 bản H-ơng -ớc làng X-ơng Thịnh, tổng Phú Khê, huyện Cẩm Khê (nay thuộc tỉnh Phú Thọ) soạn năm Khải Định thứ năm (năm 1920) trên cơ sở các tục lệ cũ quy định, vào giờ Tý đêm mồng 5 tháng Giêng hàng năm có *lệ cầu âm*, sửa cỗ bánh đem lễ ở đình; lễ xong chủ tế giết một con chó đen đem đến cầu Lỗi vớt xuống giếng; sau đó lại soạn một cỗ chay cùng vàng mã đến vực để viên chủ tế vào khăn cầu xin âm d-ơng cho dân đ-ợc yên ổn (Đình Khắc Thuần, 2006, tr. 695). Ng-ời Việt còn dùng chó đen để *cúng thần linh ở các nghĩa địa* rồi chôn vào một góc mộ trong *lễ yểm bùa mả* vào ngày thứ ba sau khi chôn ng-ời chết (Phan Kế Bính, 1997, tr. 28)<sup>2</sup>. Các tác giả Trần Quốc V-ợng và Vũ Tuấn Sán cũng từng khẳng định: đền Cầu nhi “có liên quan đến nghi lễ trừ tà. Trong tín ng-ỡng cổ truyền, những đêm sáng trăng suông, ma quỷ th-ờng hiện hình và vì vậy hay vang vọng tiếng chó sủa ma. Chó trấn mộ, chó trấn cổng nhà, cổng xóm ngõ, cổng làng... và trấn cả kinh thành là để xua đuổi ma tà quỷ quái, bảo vệ mảnh đất thiêng liêng” (Trần Quốc

V-ợng, Vũ Tuấn Sán, 1975, tr. 142). Và cũng chính tác giả Kiều Thu Hoạch trong bài viết của mình khi dẫn những t- liệu về chó đá ở Trung Quốc cũng viết rằng, chó đá “nh- một linh vật để trừ tà trấn quỷ” (Kiều Thu Hoạch, 2006, tr. 237).

T- liệu điền dã của tôi về ng-ời Kháng ở bản Van Pán, xã Chiềng Ôn, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La (ngày 24 tháng 1 năm 2008) khẳng định thêm về việc dùng thịt chó để trừ tà. Theo ông Hoàng Văn Nụ (sinh năm 1944) thì tr-ớc đây, khi tuổi 卍-ta-xa, nguồn cung cấp n-ớc sinh hoạt chính của dân bản bị cạn hoặc n-ớc có mùi tanh thì phải làm lễ trừ tà vào một buổi sáng, do thầy mo chủ trì với sự chứng kiến của cả dân bản. Lễ vật gồm: một đôi gà trống mái (đã đ-ợc luộc và đặt riêng một mâm bên trái, một con vịt (đã đ-ợc luộc chín) và một con chó (mổ sạch để sống, đặt cùng mâm với con vịt). Ông giải thích, đôi gà biểu hiện cho ánh sáng, ban ngày, âm d-ơng hòa hợp, là con vật th-ờng có trong các lễ cúng tổ tiên, thần linh; vịt là biểu hiện của n-ớc; còn chó là biểu hiện của cõi âm, để đuổi ma tà làm n-ớc bị cạn và bị tanh. Cũng theo ông Hoàng Văn Nụ, từ khi ông lớn lên, có 3 lần dân bản phải làm lễ này, vào các năm: 1973, 1976 và 1978.

Sở dĩ thịt chó đ-ợc dùng trong các nghi thức trừ tà, không dùng để cúng tế trong những việc hệ trọng vì chó còn là loài vật ăn bản, nhất là chất bản thải của ng-ời. Thậm chí, có ng-ời ăn thịt chó xong không dám b-ớc vào đình chùa ngay, phải chờ cho “tiêu” hết, để khỏi bị thần, Phật “giáng họa”.

Nh- vậy, những t- liệu trên đây cho phép khẳng định, trong tín ng-ỡng của hầu

<sup>2</sup> Cũng có khi thay thế chó bằng gà trắng hay bằng lợn, ốc. Tục này đã mất từ sau hòa bình lập lại (tháng 10 năm 1954).

hết các tộc ng-ời ở n-ớc ta, *chó không t-ợng tr-ợng cho ban ngày, cho sự sống, cho tầng trên, cho thân thoai*; mà ng-ọc lại, *t-ợng tr-ợng cho ban tối, cho tầng d-ối và cho pháp thuật*. Vì vậy, chó không thể đ-ợc tôn thờ. Chó chỉ là vật để trừ tà. Với ng-ời Việt, xa x- a, dùng chó thật để trừ tà, về sau, thay bằng chó đá. Những ai ở tuổi 50 trở lên từng sống ở nông thôn đều thấy *một hiện t-ợng phổ biến* tồn tại ở hầu khắp các làng quê ng-ời Việt trên vùng châu thổ Bắc Bộ cho đến đầu những năm 60 của thế kỷ XX là ở tr-ớc cổng làng, cổng xóm, cổng đình chùa, đền miếu, cổng thành quách, cả cổng nhà, cổng v-ờn của những gia đình trung l- u đều có đặt những con chó đá mà dân gian th-ờng gọi là “thạch cầu”. Tr-ớc mặt những chú “thạch cầu” này có hoặc không có bát h-ong. Thực chất, những *con chó đá này đ-ợc bày ra để thực hiện hai “chức năng, nhiệm vụ” chính là cảnh báo kẻ gian vào ban đêm và yểm trừ ma tà, không phải là chó để thờ*. Những con chó đá, hay bệ thờ “tập đoàn chó đá” còn sót lại ở một số làng quanh Hà Nội, đ-ợc ng-ời của các làng đó đến thấp h-ong, khấn vái mà một số nhà khoa học viện dẫn trong cuộc tranh luận tại Sở Văn hoá thông tin Hà Nội (tháng 8 năm 2005) là hiện t-ợng th-ờng thấy trong các làng quê Việt tr-ớc đây, chứ không phải là hiện t-ợng “hiếm lạ”, để kết luận ng-ời Việt có tục thờ chó.

Vậy, việc những con chó đá (thậm chí cả bệ thờ đặt nhiều chó đá) đ-ợc ng-ời Việt thấp h-ong (có hoặc không có bát h-ong) có phải là biểu hiện của thờ “thần chó” không? Để giải thích điều này, cần xác định rõ hai khái niệm (và hành vi) “*Thờ*” và

“*Thấp h-ong*”. Rất tiếc, trong “*Từ điển bách khoa*” không có các từ này. Còn trong “*Từ điển tiếng Việt*”, chỉ có từ “*Thờ*”, đ-ợc giải thích là sự “*tỏ lòng tôn kính thần thánh, vật thiêng hoặc linh hồn ng-ời chết bằng hình thức lễ nghi, cúng bái theo phong tục, tín ng-ỡng*” (Hoàng Phê, 2006, tr. 954). Với cách hiểu này và với những dẫn giải trên đây, thì rõ ràng, chó không phải là con vật linh thiêng để đ-ợc tôn thờ. Việc thấp h-ong tại đây chỉ là một thói quen rất th-ờng ngày, rất dễ dãi và “*tự nhiên*”, nhiều khi rất tùy tiện của ng-ời Việt, nhất là nữ giới. Họ có thể thấp h-ong ở mọi nơi: gốc cây, một hòn đá, con chó đá... trong hoặc quanh một di tích thờ cúng, có khi không liên quan gì đến di tích, đến thần, Phật. *Thấp h-ong trong rất nhiều tr-ờng hợp không đồng nghĩa với thờ*. Thấp h-ong có thể gắn với lời cầu nguyện về một điều gì đó mà ng-ời ta đang mong đợi hoặc nhằm xua đi một điều gì đó đang trần trở. Chẳng hạn, những ng-ời đi qua đ-ờng thấp h-ong cho một ng-ời vừa bị tai nạn tử vong chỉ là sự an ủi cho vong linh ng-ời xấu số, chứ không phải là thờ ng-ời đó (ng-ời đi thấp h-ong mộ cha mẹ mình th-ờng thấp luôn cho các ngôi mộ bên cạnh cũng thuộc phạm vi này). Tr-ờng hợp thấp h-ong tr-ớc chó đá là biểu hiện sự cầu mong đ-ợc yên ổn, vì chó có nhiệm vụ canh giữ kẻ trộm, ma tà; hoặc mong tìm đ-ợc thủ phạm của các vụ trộm cắp (thuở bé, tôi từng chứng kiến, nhiều bà già bị mất trộm gà hoặc các tài sản khác, cứ chiều chiều, ra thấp h-ong tr-ớc đôi chó đá ở cổng xóm rồi nguyên rửa kẻ gian và cầu mong tìm ra thủ phạm và tìm lại đ-ợc những vật đã mất).

2. Trong quan niệm của ng-ời Việt, chó còn là biểu tượng cho sự xúi quẩy, những tính xấu của con ng-ời và sự độc ác.

Bên cạnh một chút quan niệm tốt về chó (nh- Mèo đến thì khó, chó đến thì giàu hay Chó đẻ ở đâu, đấy là đất lành), thì với ng-ời Việt, nói đến chó là nói đến một điều gì xúi quẩy; vì thế, ng-ời ta phải đợi gần cuối tháng, hay ít nhất là qua ngày Rằm mới dám ăn thịt chó, và khi gặp “vận đen”, ng-ời ta th-ờng “giải đen” bằng ăn thịt chó. Thêm nữa, chó - dù khôn ngoan, có ích và trung thành với chủ, vẫn bị ng-ời Việt coi là “biểu tượng” của những gì xấu xa nhất của con ng-ời, thậm chí có cả “chó phản chủ”. Khi tức nhau, ng-ời ta lấy chó ra để nguyên rửa là “Đồ chó” hay “Đồ chó đẻ”, thậm chí “Đồ chó đại”. Trong kho tàng thành ngữ của ng-ời Việt, có lẽ chó là con vật đ-ợc dùng nhiều nhất để nói về những thói h- tật xấu của con ng-ời, nh- Chó cắn càn (hung hăng, gây sự bừa bãi, liều lĩnh), Chó cắn áo rách (làm bừa, không th-ong tiếc cả với ng-ời có hoàn cảnh khốn khó), Chó chê mèo lắm lông (bản thân đã xấu lại đi chê bai ng-ời khác), Chó cậy gần nhà, gà cậy gần chuồng (yếu kém nh- ng cậy một thế mạnh nào đó để bắt nạt ng-ời khác), Chó cùng rút giậu (làm liều khi cùng đ-ờng), Chó đen giữ mực (bảo thủ, không tiếp thu ý kiến của ng-ời khác hoặc có lỗi nh- ng không chịu hối cải), Chó ghẻ có mỡ đằng đuôi (xấu, kém nh- ng lại làm ra vẻ tốt đẹp, kiêu kỳ), Chó ngáp phải ruồi (gặp may hết sức ngẫu nhiên, hiếm có), Chó nháy bàn đ-ợc (kẻ bất tài, dốt nát gặp thời làm nên), Chó mặc váy lĩnh (xấu xí nh- ng lại điệu bộ để đ-ợc đẹp); hay chỉ những ng-ời

xấu trong xã hội, nh- Chó khô mèo lạc (loại ng-ời vô giáo dục), Chó săn chim mồi (hạng ng-ời xấu xa làm tay sai cho giặc) v.v. Đ-ờng nhiên, chó còn dùng để chỉ giặc c-ớp n-ớc. Trong tác phẩm “Hịch t-ớng sĩ”, H-ng Đạo V-ong Trần Quốc Tuấn từng chỉ trích bọn sứ nhà Nguyên ngông nghênh “đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ”. Bài “Diệt phát xít” của Nguyễn Đình Thi ra đời trong những ngày sục sôi của Cách mạng Tháng Tám 1945 cũng có câu “Diệt phát xít, giết loài chó dê hèn”.

Cuối cùng, chó trong quan niệm tín ng-ỡng của c- dân Việt nhiều vùng ở châu thổ Bắc Bộ, là con vật hung ác, dùng làm công cụ để trừng phạt những ng-ời mắc trọng tội, nhất là tội bất hiếu với ông bà, cha mẹ: kẻ có tội khi chết phải đi qua một chiếc cầu vòng rất trơn bắc qua một con sông (hoặc thung lũng) sâu; d-ới sông (hoặc thung lũng) hay đầu cầu bên kia có đàn chó ngao (chó dữ) chực sẵn; nếu không rơi xuống sông vì trơn thì cũng bị đàn chó ngao cắn xé. Bởi thế, ng-ời x- a đã dùng hình ảnh chiếc cầu vòng này để răn kẻ bất hiếu:

*Ai mà chửi mẹ, mắng cha,*

*Khi chết ắt phải đi qua cầu vòng.*

Nếu chó là tô tem, là thần thì sao ng-ời Việt lại dùng những từ, thành ngữ xấu xa nhất để nói về vị thần của mình và để mắng nhiếc nhau nh- vậy?

Với tất cả những t- liệu trên đây, hoàn toàn có thể khẳng định rằng, ở n-ớc ta, từ ng-ời Dao coi chó là Bàn V-ong thủy tổ (trên thực tế, đây là ng-ời đ-ợc “thần thoại hóa” thành chó), còn không một tộc ng-ời

nào từ vùng Đông Bắc sang Tây Bắc, vào miền núi Thanh Nghệ, cho đến vùng Tr-ờng Sơn - Tây Nguyên và cả vùng ng-ời Khơ-me ở Nam Bộ thờ chó; cũng không thấy một công trình giản chí Dân tộc học nào viết về tục thờ chó hay nhận chó làm tô tem, chỉ chép dùng chó (cả chó thật và chó đá) để yểm trừ ma tà; còn trong đời sống th-ờng ngày, nuôi chó để canh giữ nhà, đi săn, giết thịt... Công nhận tục thờ chó không chỉ thiếu cơ sở khoa học mà còn là điều gì đó xúc phạm đến tín ng-ỡng thờ Rồng, Tiên, chim Lạc từ mấy nghìn năm nay của tổ tiên ta.

Để kết thúc bài viết này, tôi m-ợn ý của các nhà nghiên cứu có liên quan đến vấn đề đ-ọc bàn:

- Một là, các tác giả Trần Quốc V-ợng, Vũ Tuấn Sán - những ng-ời đầu tiên đề cập đến “đền Cầu nhi” sau tác giả (khuyết danh) của sách *Tây Hồ chí* cho rằng, “đây là một ngôi đền nhỏ, kiểu chữ “Công” thờ thủy thần - Thủy Trung Tiên Từ và Tam phủ thánh mẫu” (Trần Quốc V-ợng, Vũ Tuấn Sán, 1975).

- Hai là, tác giả Trần Nghĩa, Nguyên Viện tr-ởng Viện Hán Nôm - ng-ời chủ trì hội thảo ngày 30 - 12 - 2005 bàn về giá trị của sách *Tây Hồ chí* - cơ sở khoa học duy nhất để các nhà khoa học ủng hộ cho việc xây lại “đền Cầu Nhi” và luận điểm “ng-ời Việt có tục thờ chó” trong bài viết đăng trên tạp chí *Văn hiến* đã khẳng định “cũng khó có thể tin đ-ọc một ngôi miếu gọi là “thờ thần Cầu Nhi” ở hồ Trúc Bạch nh- *Tây Hồ chí* từng ghi”. Và ông cho rằng, ngôi miếu này thờ “cầu ng-” hay “thủy cầu”, tức cá chuối! (Trần Nghĩa, 2006, tr. 52).

### Tài liệu tham khảo

1. Phan Kế Bính (1997), *Việt Nam phong tục*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Trần Bình (1999), *Ng-ời Xinh Mun ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
3. Nguyễn Từ Chi (2003), *Góp phần nghiên cứu văn hóa & tộc ng-ời*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Hà Nội.
4. Lê Sĩ Giáo (Chủ biên) (1997), *Dân tộc học đại c-ương*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Kiều Thu Hoạch (2006), *Văn học dân gian ng-ời Việt góc nhìn thể loại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Trần Nghĩa (2006), “Đã có thể biết đ-ọc ng-ời soạn Tây Hồ chí là ai”, *Tạp chí Văn hiến*, Số 6/ 2006, tr. 52.
7. Hoàng Phê (Chủ biên) (2006), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Trung tâm Từ điển học.
8. D-ợng Trung Quốc (2005), “Tổng hợp ý kiến của các nhà khoa học về đền Cầu Nhi”, *Việt Nam NET*, ngày 01/8/2005.
9. Bùi Thị Thu (2008), *Lễ hội Chá Chiêng của ng-ời Thái với việc phát triển du lịch ở Mai Châu, Hoà Bình*, Khoá luận tốt nghiệp ngành Văn hoá du lịch, Đại học Dân lập Hải Phòng, (2004-2008).
10. Đinh Khắc Thuân (Chủ biên) (2006), *Tục lệ cổ truyền làng xã Việt Nam*, sách dịch Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Trần Quốc V-ợng, Vũ Tuấn Sán (1975), *Hà Nội nghìn x-ưa*, Sở Văn hóa thông tin Hà Nội.